NỘI DUNG CÔNG KHAI :
VĂN HỌC (VĂN HỌC – BÁO CHÍ – TRUYỀN THÔNG)

1. Quyết định mở ngành đào tạo

Quyết định số 414/QĐ-ĐHHL ngày 23/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hạ Long

2. Nội dung cơ bản của Đề án mở ngành đào tạo:

2.1. Chuẩn đầu vào

Đối tượng: Học sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

Vùng tuyển: Toàn quốc và một số nước trong khu vực (Trung Quốc, Lào)

Quy chế, xét tuyển: Theo quy định của quy chế tuyển sinh đại học hiện hành.

2.2. Chuẩn đầu ra

Sau khi tốt nghiệp, người học đạt được chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm như sau:

1. Về kiến thức

- PLO1: Áp dụng được kiến thức, hiểu biết về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật để thực hiện công việc chuyên môn và giải quyết những vấn đề thực tiễn cuộc sống.

- PLO2: Vận dụng được kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành về văn hóa, ngôn ngữ, văn học, về báo chí và truyền thông vào công việc chuyên môn ứng với các vị trí việc làm liên quan đến văn học – báo chí - truyền thông và thực tiễn cuộc sống.

2. Kỹ năng

- PLO3: Nghiên cứu, phân tích, ứng dụng được các vấn đề văn học vào công tác chuyên môn và thực tiễn nghề nghiệp.

- PLO4: Sản xuất, biên tập được các tin bài thuộc các thể loại báo chí khác nhau;

- PLO5: Sản xuất được các chương trình truyền thông, tác nghiệp và thực hiện công tác truyền thông hiệu quả.

- PLO6: Giao tiếp, thuyết trình, đàm phán tốt, làm việc nhóm hiệu quả phục vụ cho công việc chuyên môn và cuộc sống.

- PLO7: Ứng dụng được kiến thức, kỹ năng công nghệ thông tin và chuyển đổi số vào công việc chuyên môn, đạt chuẩn kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- PLO8: Sử dụng được tiếng Anh trong giao tiếp và trong lĩnh vực chuyên môn, đạt tối thiểu chuẩn năng lực tiếng Anh bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

3. Phẩm chất đạo đức

- PLO9: Tôn trọng các giá trị đạo đức nghề nghiệp, có tư tưởng chính trị vững vàng; chấp hành nghiêm túc chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội.

4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- PLO10: Tự học, tự nghiên cứu, khởi nghiệp hiệu quả; tự chịu trách nhiệm về chuyên môn nghiệp vụ và thích nghi với môi trường làm việc hiện đại, năng động.

2.3. Chương trình đào tạo

+) Quyết định ban hành chương trình đào tạo: Quyết định số 392/QĐ-ĐHHL ngày 21/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hạ Long.

+) Mô tả chương trình đào tạo (kèm theo Quyết định số 392/QĐ-ĐHHL ngày 21/4/2022)

2.4. Danh sách đội ngũ tham gia thực hiện chương trình đào tạo

TT	Họ và tên, ngày sinh	Trình độ đào tạo	Ngành đào tạo
1	Trần Trung Vỹ 15/4/1971	Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	Quản lý kinh tế
2	Phan Thị Huệ 15/01/1973	Tiến sĩ, Việt Nam,2015	Hệ thống thông tin
3	Hoàng Thị Thu Giang 6/9/1980	Tiến sĩ, Việt Nam, 2014	Ngữ văn
4	Vũ Vương Trưởng 9/8/1979	Tiến sĩ, Việt Nam,2016	Tâm lí học
5	Bùi Thị Lan Hương 14/8/1981	Tiến sĩ, Việt Nam,2021	Ngữ văn
6	Nguyễn Thị Thương 18/1/1975	Thạc sĩ, Việt Nam,2004	Giáo dục học
7	Nguyễn Thị Gấm 17/5/1981	Thạc sĩ, Việt Nam,2018	Ngữ Văn
8	Bế Thị Thu Huyền 23/61983	Tiến sĩ, Việt Nam, 2019	Văn học Việt Nam
9	Nguyễn Thị Ngọc Lương 8/4/1987	Thạc sĩ, Việt Nam,2013	Văn học nước ngoài
10	Phạm Thị Minh Lương 29/4/1968	Thạc sĩ, Việt Nam,2002	Ngữ Văn
11	Phùng Thị Lượt 22/2/1990	Thạc sĩ, Việt Nam,2018	Ngữ văn (ngôn ngữ học)
12	Nguyễn Thị Minh Thái	Thạc sĩ, Việt Nam	Ngữ văn
13	Nguyễn Hữu Tới 17/1/1977	Thạc sĩ, Việt Nam	Ngữ văn
14	Hà Ngọc Yến 25/10/1984	Thạc sĩ, Việt Nam,2009	Ngôn ngữ học
15	Nguyễn Thị Thu Dương 21/8/1992	Thạc sĩ, Việt Nam,2017	Báo chí học
16	Nguyễn Văn Lâm 18/7/1981	Thạc sĩ, Việt Nam,2016	Công tác xã hội
17	Hoàng Tuyết Mai 28/8/1995	Tiến sĩ, Việt Nam,2021	Công tác xã hội
18	Lê Mạnh Hà 28/9/1979	Thạc sĩ, Việt Nam,2014	KHMT
19	Giáp Lương Thụy 6/9/1981	Thạc sĩ, Việt Nam,2018	QTKD
20	Nguyễn Duy Cường 22/4/1980	Thạc sĩ, Việt Nam,2015	Quản lí văn hoá
21	Mạc Kim Chi 9/4/1992	Thạc sĩ, Việt Nam,2016	Quan hệ công chúng và Quảng cáo

22	Nguyễn Thị Hằng 25/3/1976	Tiến sĩ, Úc ,2014	Tiếng Anh
23	Nguyễn Đức Tú 27/12/1978	Thạc sĩ, Việt Nam,2013	Tiếng Anh
24	Vũ Văn Viện 28/5/1978	Tiến sĩ, Việt Nam,2018	Kinh tế
25	Nguyễn Thu Thuỷ 2/9/1980	Tiến sĩ,Việt Nam, 2019	Triết học
26	Nguyễn Chí Đông 9/12/1980	Tiến sĩ,Việt Nam, 2019	Triết học
27	Vũ Thị Minh Nguyệt 3/12/1991	Thạc sĩ,Việt Nam,2016	Kinh tế chính trị
28	Đoàn Thị Tâm 24/4/1975	Thạc sĩ,Việt Nam, 2010	Kinh tế chính trị
29	Võ Thị Thu Hằng 24/11/1970	Thạc sĩ,Việt Nam, 2000	KHXH&NV (GDCT)
30	Bùi Thị Thuý Hằng 30/8/1989	Thạc sĩ, Việt Nam, 2007	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam
31	Bùi Thị Minh Huệ 3/31984	Thạc sĩ,Việt Nam, 2014	Hồ Chí Minh học
32	Bùi Văn Lợi 20/4/1978	Thạc sĩ,Việt Nam, 2014	Luật học
33	Nguyễn Thị Ngọc Oanh 7/2/1983	Thạc sĩ, Việt Nam, 2010	Luật
34	Bùi Thị Huyền 26/2/1991	Thạc sĩ,Australia,2016	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh
35	Bùi Bích Phương 16/7/1993	Thạc sĩ,Việt Nam, 2017	Sư phạm Tiếng Anh
36	Bùi Bích Diệp 11/10/1982	Thạc sĩ Việt Nam, 2010	Tiếng Anh
37	Vũ Thị Anh Trâm 6/1/1981	Thạc sĩ,Việt Nam, 2013	Hệ thống thông tin
38	Nguyễn Văn Chính 20/10/1981	Thạc sĩ,Việt Nam, 2010	Khoa học máy tính
39	Nguyễn Văn Anh 22/10/1983	Thạc sĩ,Việt Nam, 2014	Giáo dục thể chất
40	Hoàng Thị Thanh Hà 28/9/1985	Thạc sĩ, Việt Nam, 2011	Giáo dục học
41	Phạm Văn Hoàng 9/10/1978	Thạc sĩ,Việt Nam, 2019	Giáo dục học
42	Nguyễn Thế Anh 13/2/1976	Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Khoa học giáo dục (Thể dục thể thao)

2.5. Cơ sở vật chất

Nhà trường có đầy đủ phòng học, phòng thực hành, hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống quản lí hỗ trợ học tập, hệ thống quản lí đào tạo, hệ thống thư viện đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu của giảng viên và sinh viên.

+) Hệ thống phòng học lý thuyết

Tại cơ sở I, Trường Đại học Hạ Long có 5 giảng đường lý thuyết với tổng số 223 phòng học, tổng diện tích phòng học là 19934 m^2. Theo quy mô dự hiện tại và dự kiến mở, nhà trường đủ điều kiện về phòng học lý thuyết cho sinh viên.

+) Hệ thống phòng thực hành

Nhà trường có 62 phòng thí nghiệm, thực hành với diện tích 7897 m^2; 08 phòng thực hành máy tính; 15 phòng học ngoại ngữ với tổng diện tích 1878 m^2.

+) Thư viện và học liệu

Trường có 02 thư viện truyền thống với 10 phòng đọc, phòng tự học có tổng diện tích 3035 m^2, kios tra cứu tài liệu, hệ thống máy tính tra cứu thông tin được trang sắm đồng bộ, đảm bảo phục vụ cùng lúc 300 sinh viên.

Ngoài ra, trường có hệ thống thư viện điện tử (địa chỉ: http://tvs.daihochalong.edu.vn/) liên kết với kho học liệu chính thức của nhiều trường trong nước và quốc tế, đảm bảo nguồn thông tin cập nhật và khoa học cho giảng viên và sinh viên tham khảo trong dạy học và nghiên cứu khoa học.

Tổng diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo là 39947m^2. Hiện nay, quy mô đào tạo tại cơ sở là 3927 sinh viên. Tỉ lệ 10.2 m^2/sinh viên.

2.6. Quy mô tuyển sinh

Năm	2022	2023	2024	2025	2026
Quy mô tuyển sinh	50	70	100	120	140

2.7. Địa điểm đào tạo

Trường Đại học Hạ Long, cơ sở 1, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

Trường Đại học Hạ Long, cơ sở 2, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.